

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh ngày 09/7/1987,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị Q ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà B, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 05/10/1984,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Xuân T1, sinh năm 1954. ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 02/5/2013. Vợ chồng chung sống được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có sự gắn kết, chia sẻ với nhau, việc ai người đó làm, không ăn chung, không ngủ chung, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014, hiện con đang ở với ông Đỗ Xuân T1 (bố đẻ anh T). Chị đề nghị giao con Đỗ Thành Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con cho ông T1 chăm sóc cho đến khi anh T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, ông H đã thông báo cho chị biết, chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Đỗ Xuân T1 (là bố đẻ anh T) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, thông qua gia đình anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Q trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh nhất trí việc chị Q tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền

cho ông T1 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đỗ Xuân T1 nhất trí thay anh T chăm sóc cháu Đỗ Thành Đ cho đến khi anh T về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ.

Con chung của chị Q và anh T là cháu Đỗ Thành Đ có nguyện vọng được ở với anh T và ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thành Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao con Đỗ Thành Đ cho ông Đỗ Xuân T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị Q và bị đơn anh Đỗ Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện chị Q và anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù, chị Q không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền và các tài liệu khác đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Văn phòng C chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định ý chí, nguyện vọng và quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 là bố đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Q

và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T1 vẫn liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Q và anh T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 02/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014, hiện con đang ở với ông Đỗ Văn T2. Chị Q và anh T thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Q tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung Đỗ Thành Đ có nguyện vọng được ở với anh T và ông T2. Anh T ủy quyền cho ông Đỗ Văn T2 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Đỗ Thành Đ cho ông Đỗ Văn T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh T xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Đỗ Thành Đ cho ông Đỗ Văn T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị Q không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000493 ngày 05/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Thanh H nộp thay). Chị Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Văn T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường